TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 52/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 19-5-2026
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Anh Đào
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đức Vinh
2. Bà Nguyễn Thị Nga

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Hoàng Đức Định – Thẩm tra viên Toà án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lào Cai tham gia phiên toà*:** Ông Hà Chí Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2026/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2026 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số: 45/QĐ-TA ngày 28 tháng 4 năm 2026; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm 1973, số căn cước 019173009154, cấp ngày 03-7-2021, nơi cấp Cục QLHC về TTXH; Nơi cư trú: Thôn H, xã Y, tỉnh Lào Cai.Vắng mặt, có đơn xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Anh H, sinh năm 1964, số căn cước: 015064004551, cấp ngày 25-10-2022, nơi cấp Cục QLHC về TTXH; Nơi cư trú: Thôn H, xã Y, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại tại UBND phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (nay là phường P, tỉnh Thái Nguyên) ngày 31/12/1996. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh H nợ nần nhiều, chị phải đi trả nợ cho anh H nhiều lần suốt từ khoảng năm 2014 cho đến hiện nay dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, không có tiếng nói chung, vợ chồng đã tự hoà giải nhiều lần, chị khuyên bảo anh H rất nhiều lần nhưng không có kết quả, anh H vẫn không thay đổi. Ngoài ra, suốt quá trình chung sống với nhau, anh H có nhiều

lần đánh đập chị và các con. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn anh Hoàng Anh H.

Về con chung: Chị và anh Hoàng Anh H có 02 con chung là Hoàng Diệu T, sinh ngày 10-3-1999 và Hoàng Đức M, sinh ngày 17-10-2003. Hiện hai con đã trưởng thành nên không đặt vấn đề giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27-02-2026, bị đơn anh Hoàng Anh H xác nhận anh và chị Nguyễn Thị Thúy N tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 31/12/1996 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Giữa anh và chị N có 02 con chung là Hoàng Diệu T, sinh ngày 10-3-1999 và Hoàng Đức M, sinh ngày 17-10-2003, hiện các con đã trưởng thành. Anh xác nhận có việc vay nợ cá nhân của anh, còn về quan hệ hôn nhân và ý kiến về việc chị N xin ly hôn anh thì anh từ chối cung cấp thông tin.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H nhưng anh H không đến tòa để giải quyết việc chị N xin ly hôn anh, anh H không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, Toà án không tiến hành hoà giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lào Cai tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng : Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy N để xử cho chị N được ly hôn với anh Hoàng Anh H. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy N phải chịu tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Hoàng Anh H có hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã Y, tỉnh Lào Cai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy N có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Hoàng Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lào Cai xét xử vắng mặt chị N, anh H là đúng quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy N và anh Hoàng Anh H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (nay là phường P, tỉnh Thái Nguyên) ngày 31/12/1996. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị N xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh H nợ nần nhiều dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, quá trình chung sống anh H còn đánh chị và các con. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thúy N và anh Hoàng

Anh H đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, anh H không có mặt để hoà giải thể hiện anh H không có thiện chí hoà giải. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ, cần được chấp nhận. Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị Nguyễn Thị Thúy N được ly hôn anh Hoàng Anh H.

[3] Về con chung: Chị N và anh H có 02 con chung là Hoàng Diệu T, sinh ngày 10-3-1999 và Hoàng Đức M, sinh ngày 17-10-2003, hiện các con đã trưởng thành nên không đặt vấn đề giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lào Cai tại phiên tòa về quan hệ hôn nhân là phù hợp, có căn cứ theo quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy N được ly hôn anh Hoàng Anh H.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0000528 ngày 24/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Xác nhận chị N đã nộp đủ.

Chị Nguyễn Thị Thúy N và anh Hoàng Anh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND KV2- Lào Cai;
- P. THADS KV2- Lào Cai;
- Các đương sự;
- UBND P. Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Anh Đào